WWW.KWU.AC.KR

HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH
DÀNH CHO DU HỌC SINH NĂM 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỮ KWANGJU

MỤC LỤC

[KHÓA HỌC TIẾNG]

I~III. Điều kiện tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh ·· 1

IV. Hồ sơ ứng tuyển ····· 2

V~VI. Học phí, học bổng, ký túc xá ····· 3

[ĐẠI HỌC]

I~II. Điều kiện tuyển sinh, đơn vị tuyển sinh ····· 4

III. Giới thiệu khoa ····· 5-6

IV. Hồ sơ ứng tuyển ····· 7

V. Phương thức tuyển sinh, học phí, học bổng ····· 8-9

[CAO HỌC]

I~III. Điều kiện tuyển sinh, đơn vị tuyển sinh, phương thức tuyển sinh ···· 10

IV. Học phí, học bổng ····· 11

V. Giới thiệu khoa ····· 12-13

[LƯU Ý ỨNG TUYỂN] ····· 14

[ĐỊA CHỈ, THÔNG TIN LIÊN LẠC] ····· 15

HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH KHÓA HỌC TIẾNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỮ KWANGJU NĂM HỌC 2024

I. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

Phân loại	Điều kiện đăng ký
Khóa học tiếng	Người đã hoặc sắp tốt nghiệp hệ trung học phổ thông trong và ngoài nước hoặc người có học lực tương đương

II. THỜI GIAN TUYỂN SINH

Học kỳ	Thời gian	Tổng thời gian	Ghi chú
Học kỳ 1 - 2024	04/03/2024 ~ 10/05/2024 (10 tuần)	200 tiết	· Ngày lễ: 10/04, 06/05 · Ngày học bù: 13/05, 14/05
Kỳ nghỉ 16/05/2024 ~ 24/05/2024			
Học kỳ 2 - 2024	27/05/2024 ~ 02/08/2024 (10 tuần)	200 tiết	· Ngày lễ: 06/06 · Ngày học bù: 05/08
Kỳ nghỉ 06/08/2024 ~ 30/08/2024			
Học kỳ 3 - 2024	02/09/2024 ~ 08/11/2024 (10 tuần)	200 tiết	· Ngày lễ: 16~18/09, 03/10, 09/10 · Ngày học bù: 11~15/11
Kỳ nghỉ 18/11/2024 ~ 22/11/2024			
Học kỳ 4 - 2024	25/11/2024 ~ 31/01/2025 (10 tuần)	200 tiết	· Ngày lễ: 25/12, 01/01, 28~30/01 · Ngày học bù: 03~07/02/2025

※ Tùy theo tình hình lịch trình có thể thay đổi.

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Phân loại	Đánh giá hồ sơ	Phỏng vấn
Khóa học tiếng	Đủ hồ sơ theo quy định	Phỏng vấn trực tiếp hoặc qua điện thoại, video

※ Thông qua kết quả đánh giá hồ sơ, phỏng vấn những ứng viên học lực và khả năng tài chính không đủ theo điều kiện, hồ sơ sẽ bị loại.

※ Trình tự tuyển sinh

Tiếp nhận hồ sơ → Đánh giá hồ sơ → Phỏng vấn → Đóng tiền học → Nộp hồ sơ xin visa → Nhập cảnh

IV. HỒ SƠ ỨNG TUYỂN

○ Bắt buộc / △ Nếu yêu cầu

STT	Phân loại	Hồ sơ	Ghi chú
1	Đơn xin nhập học	○	- Nộp bản gốc - Tải mẫu đơn (Phòng tư liệu trang web phòng Giáo dục quốc tế) - https://globalgate.kwu.ac.kr/index.do → [게시판] Click → [공지사항] Click → [외국인 공지사항] Click
2	Bản kế hoạch học tập	○	
3	Bản kế hoạch đóng học phí	○	
4	Bản đồng ý cho phép thu thập thông tin cá nhân	○	
5	Bằng tốt nghiệp và bảng điểm cấp học cao nhất	○	- Nộp bản gốc và bản dịch công chứng. - Nếu nội dung của học bạ hoặc bảng điểm có chỗ sai thì cần nộp bản gốc giấy tường trình (của trường hoặc hiệu trưởng).
6	Chứng nhận học lực	○	- Nộp bản gốc - Điều kiện cơ bản: Theo quy định của Bộ Tư pháp, **giấy chứng nhận dự kiến tốt nghiệp** không được công nhận. - Quy định riêng theo từng quốc gia: ・VIỆT NAM: Tem/dấu xác nhận của Đại sự quán Hàn Quốc tại Việt Nam hoặc Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.
7	Hộ chiếu và Chứng minh thư của bản thân	○	- Nộp bản dịch công chứng.
8	Chứng minh thư của ba mẹ	○	- Nộp bản dịch công chứng.
9	Giấy xác nhận nghề nghiệp và chứng nhận thu nhập của ba mẹ	○	- Nộp bản gốc và bản dịch công chứng.
10	Giấy chứng nhận số dư tài khoản ngân hàng	○	- Nộp bản gốc. (Trong trường hợp chỉ có 1 bản gốc để nộp cho đại sứ quán và ngân hàng không cấp thêm bản gốc thứ 2 thì phải nộp cho trường bản sao có dấu mộc xác nhận của ngân hàng) **- Visa D4: 7,000USD trở lên hoặc 8 triệu won trở lên** ※Đối với sinh viên Việt Nam bắt buộc nộp giấy ngân hàng Woori. - Ứng viên không phải visa D4 và sống tại Hàn Quốc thì không cần nộp.
11	Chứng nhận quan hệ gia đình	△	- Trong trường hợp có 2 hộ khẩu (hoặc không cùng hộ khẩu với ba mẹ) thì phải nộp kèm giấy khai sinh. - Nếu ba mẹ ly hôn thì phải nộp kèm giấy chứng nhận ly hôn. (Bản gốc hoặc bản sao). - Nếu ba mẹ qua đời thì nộp kèm giấy chứng tử. (Bản gốc hoặc bản sao)
12	Ảnh thẻ.	○	- Hình thẻ 3X4cm (nền trắng như hình ở hộ chiếu)

※ Trong trường hợp cần thiết trường có thể yêu cầu hồ sơ bổ sung.

※ Theo quy định tất cả hồ sơ phải nộp bản gốc, trong trường hợp bất đắc dĩ chỉ nộp được bản sao thì phải nộp bổ sung bản gốc để đối chứng. (hồ sơ gốc sẽ được trả lại sau khi xác nhận)

※ Đối với ứng viên đang sinh sống tại Hàn Quốc và không cần phải đổi sang visa D4 vẫn có thể nhập học nếu nộp đủ đơn xin nhập học và các giấy tờ liên quan đến người bảo hộ.

V. HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

1. HỌC PHÍ

Phân loại	Phí xét hồ sơ	Học phí (1,200,000 won x 4 học kỳ)	Tiền sách (Học kỳ 1)	Bảo hiểm tai nạn (1 năm)	Tổng
Số tiền	50,000won	4,800,000won	63,000won	110,000won	5,023,000won

※ **Phí bảo hiểm** có thể thay đổi và sinh viên **bắt buộc phải tham gia** bảo hiểm.

※ [Quy định chính phủ] **Bảo hiểm quốc gia** sẽ tự động được đăng ký sau khi nhập cảnh 6 tháng, và phí bảo hiểm quốc gia này **mỗi sinh viên phải tự đóng**.

※ [Quy định chính phủ] **Nếu không đóng tiền bảo hiểm quốc gia sẽ không được gia hạn visa.**

2. HỌC BỔNG

a) Học kỳ thứ 2 sẽ được nhận học bổng 200,000won (với điều kiện điểm học kỳ đầu tiên phải trên 70 điểm)

b) Học bổng riêng cho sinh viên có thành tích cao trong kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK)

Học bổng	TOPIK I		TOPIK II			
Hỗ trợ lệ phí thi	20,000won		27,000won			
Học bổng	**Cấp 1**	**Cấp 2**	**Cấp 3**	**Cấp 4**	**Cấp 5**	**Cấp 6**
Học bổng TOPIK	-	30,000won	100,000won	120,000won	120,000won	150,000won

※ Tiêu chuẩn học bổng ở trên là theo năm 2022, tùy tình hình có thể thay đổi.

VI. KÝ TÚC XÁ

Phân loại	Phí ký túc xá	Ghi chú
2người/phòng	1,050,000 won / 21 tuần	○ Chăn, gối sinh viên tự chuẩn bị - Có thể đăng ký mua tại trường (sinh viên tự trả phí) ○ Tiền ký túc xá không bao gồm tiền ăn - Có thể mua thẻ ăn theo từng bữa
4người/phòng	634,200 won / 21 tuần	

※ Tiền ký túc xá ở trên là theo năm 2023, tùy tình hình có thể thay đổi tùy theo quy định của ký túc xá hoặc thời gian đăng ký trong kỳ nghỉ.

HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỮ KWANGJU NĂM HỌC 2024

I. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

Phân loại		Điều kiện đăng ký
Quốc tịch	Cả bố mẹ và sinh viên đều là người nước ngoài	
Học lực	Năm nhất	Người đã hoặc sắp tốt nghiệp hệ trung học phổ thông trở lên các trường trong và ngoài nước
	Chuyển tiếp (năm 3)	Người đã hoặc tốt nghiệp trường cao đẳng hệ 2 năm hoặc hoàn thành năm 2 của đại học hệ 4 năm các trường trong và ngoài nước ※ [Chuyển tiếp năm 4] chỉ áp dụng cho các trường ký kết với trường
Năng lực ngoại ngữ	1. Người có TOPIK 3 quốc gia trở lên 2. Người thông qua kỳ thi TOPIK cấp 3 của trường trở lên	

II. ĐƠN VỊ TUYỂN SINH

Khối ngành	Khoa	Năm nhất	Chuyển tiếp	Số lượng tuyển sinh
Xã hội nhân văn	Khoa Dịch vụ hàng không – chuyên ngành Dịch vụ hàng không	-	O	○○người
	Khoa Dịch vụ hàng không – chuyên ngành Du lịch khách sạn	-	O	
	Khoa Dịch vụ hàng không	O	-	
	Khoa Kinh doanh du lịch khách sạn	O	-	
	Khoa Hành chính cảnh sát	O	O	
	Khoa Phúc lợi xã hội	O	O	
	Khoa Tư vấn tâm lý	O	O	
	Khoa Quốc tế – chuyên ngành Giáo dục tiếng Hàn	O	-	
	Khoa Quốc tế – chuyên ngành Giáo dục tiếng Anh toàn cầu	O	-	
	Khoa Quốc tế – chuyên ngành Kinh doanh	O	-	
	Khoa Giáo dục tiếng Hàn	-	O	
Khoa học tự nhiên	Khoa Trị liệu ngôn ngữ	O	O	
	Khoa Sức khỏe hành chính	O	O	
	Khoa Thực phẩm dinh dưỡng	O	O	
	Khoa Sáng tạo nội dung truyền thông AI	O	O	
	Khoa Khoa học làm đẹp – chuyên ngành Thẩm mỹ làm đẹp	O	O	
	Khoa Khoa học làm đẹp – chuyên ngành Mỹ phẩm	O	O	
Năng khiếu	Khoa Thiết kế kiến trúc nội thất	O	O	
	Khoa Thể thao	O	-	

III. GIỚI THIỆU KHOA

1. KHOA DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

- Mục tiêu: Đào tạo nhân tài có kỹ năng thực tế và mang tính quốc tế
- Đào tạo hơn 400 sinh viên được tuyển dụng thành công ở vị trí tiếp viên hàng không
- Bên cạnh đó, có hơn 300 sinh viên cũng được tuyển dụng thành công ở vị trí nhân viên mặt đất, sân bay, tàu hỏa và các khách sạn trong và ngoài nước.

2. KHOA QUỐC TẾ

- **[Hạng mục chung]** Học kỳ đầu tiên sau khi học những môn chung sẽ chọn chuyên ngành cụ thể
- **[Chuyên ngành Giáo dục tiếng Anh toàn cầu]** Đào tạo các chuyên gia giáo dục tiếng Anh quốc tế, chuyên gia giáo dục tiếng Anh trẻ em (3 tuổi ~ 12 tuổi)
  ※ Có thể đạt được các chứng chỉ như **TESOL(Chứng chỉ giáo dục tiếng Anh quốc tế), CETS-TESOL(Chứng chỉ giáo dục tiếng Anh trẻ em quốc tế)**
- **[Chuyên ngành Giáo dục tiếng Hàn]** Nâng cao năng lực đồng cảm đa văn hóa cùng với khả năng lãnh đạo đoàn thể để đào tạo các chuyên gia giáo dục tiếng Hàn góp phần toàn cầu hóa tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc
  ※ Có thể đạt được chứng chỉ **Sư phạm tiếng Hàn cấp 2**
- **[Chuyên ngành Kinh doanh]** Đào tạo các chuyên gia đáp ứng đủ điều kiện tập đoàn yêu cầu
  ※ Định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp: Nhân viên kế hoạch sản phẩm, nhân viên kinh doanh, nhân viên phân tích và điều tra số liệu thống kê, v.v.

3. KHOA KINH DOANH DU LỊCH KHÁCH SẠN

- Mục tiêu: Đào tạo chuyên gia về lĩnh vực du lịch, khách sạn
- 'Chuyên gia dịch vụ' trong ngành giải trí, bao gồm các khách sạn, khu nghĩ dưỡng, công ty du lịch trong và ngoài nước.

4. KHOA HÀNH CHÍNH CẢNH SÁT

- Mục tiêu: Đào tạo chuyên gia bảo an, nữ cảnh sát
- Có các phòng tập chuyên dụng cho các môn đấu kiếm, võ Judo, võ hiệp khí đạo
- Thực tập hiện trường, các buổi trao đổi với các tiền bối, phỏng vấn thực tập

5 KHOA PHÚC LỢI XÃ HỘI

- Mục tiêu: Đào tạo chuyên gia phúc lợi xã hội có chuyên môn và trách nhiệm cao trong phúc lợi của người dân
- Tiến hành giáo dục nghiệp vụ nâng cao nhằm đào tạo các chuyên gia đủ khả năng làm ở các trung tâm phúc lợi xã hội tổng hợp, các trung tâm nhi đồng, thanh thiếu niên, người khuyết tật, người già, đa văn hóa, v.v.

6. KHOA TƯ VẤN TÂM LÝ

- Mục tiêu: Đào tạo chuyên gia tư vấn tâm lý với các kỹ năng nghiệp vụ cần thiết
- Định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp: Trung tâm đa văn hóa, trung tâm tư vấn thanh thiếu niên, trung tâm tư vấn phụ nữ, trung tâm tư vấn đại học, trung tâm tư vấn bạo lực gia đình, phòng tư vấn phát triển cá nhân, v.v.

7. KHOA KHOA HỌC LÀM ĐẸP

- Mục tiêu: Đào tạo chuyên viên làm đẹp và các chuyên gia có chuyên môn cao trong các lĩnh vực da, tóc, trang điểm, nail art (vẽ móng) và mỹ phẩm
- **Khoa bao gồm hệ 4 năm đại học, thạc sỹ, tiến sỹ** đầu tiên tại Hàn Quốc
- Định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp: **[Giáo dục]** Giáo viên trang điểm, tóc tại các cơ quan giáo dục **[Hiện trường]** Viện thẩm mỹ, viện quản lý da, chuyên gia nghệ thuật vẽ móng, phòng quản lý da đầu, viện áo cưới, viện nghiên cứu mỹ phẩm, nhân viên quản lý các hãng mỹ phẩm nổi tiếng, v.v.

8. KHOA SỨC KHỎE HÀNH CHÍNH

- Mục tiêu: Đào tạo chuyên gia các lĩnh vực sức khỏe y tế
- Định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp: Nhân viên quản lý thông tin y tế, nhân viên hành chính bệnh viện, nhân viên viện nghiên cứu y tế

9. KHOA TRỊ LIỆU NGÔN NGỮ

- Mục tiêu: Đào tạo chuyên gia trị liệu ngôn ngữ
- Đào tạo chuyên gia có thể đánh giá, chẩn đoán những đối tượng trẻ em và người lớn có vấn đề trong khả năng giao tiếp

10. KHOA THỰC PHẨM DINH DƯỠNG

- Mục tiêu: Đào tạo nhân lực có chuyên môn về vệ sinh, an toàn thực phẩm, chuyên gia dinh dưỡng (cấp 2)
- Định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp: Nhân viên ở các nhà ăn tập thể, công ty thực phẩm, nhà hàng, v.v.

11. KHOA SÁNG TẠO NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG AI

- Mục tiêu: Đào tạo chuyên gia nữ có chuyên môn với khả năng phân tích dữ liệu, các nội dung VR (thực tế ảo), v.v.
- Định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp: Chuyên gia phân tích dữ liệu, chuyên gia nội dung thực tế ảo, chuyên gia đồ họa máy tính

12. KHOA THIẾT KẾ KIẾN TRÚC NỘI THẤT

- Mục tiêu: Đào tạo các nhà thiết kế không gian nội thất, chuyên gia quản lý không gian
- Cung cấp và hỗ trợ các vật liệu, công cụ, máy tính cho việc tạo dựng mô hình, không gian
- Mỗi năm tham gia các buổi triển lãm trên toàn quốc, thông qua các buổi hoạt động tình nguyện để nâng cao khả năng phát triển kinh nghiệm bản thân

13. KHOA THỂ THAO

- Mục tiêu: Đào tạo các huấn luyện viên thể thao nữ,
- Định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp: hướng dẫn chỉ đạo sinh hoạt thể thao, v.v.

IV. HỒ SƠ ỨNG TUYỂN

○ Bắt buộc / △ Nếu yêu cầu

STT	Phân loại	Năm nhất	Chuyển tiếp	Ghi chú
1	Đơn xin nhập học	○	○	- Tải mẫu đơn (Phòng tư liệu trang web chủ phòng Giáo dục quốc tế) - https://globalgate.kwu.ac.kr/index.do → [게시판] Click → [공지사항] Click → [외국인 공지사항] Click
2	Bản kế hoạch học tập	○	○	
3	Bản kế hoạch đóng học phí	○	○	
4	Bản đồng ý cho phép thu thập thông tin cá nhân	○	○	
5	Bằng tốt nghiệp và bảng điểm cấp học cao nhất	○	○	- Nộp bản gốc và bản dịch công chứng. - Nếu nội dung của học bạ hoặc bảng điểm có chỗ sai thì cần nộp bản gốc giấy tường trình (của trường hoặc hiệu trưởng).
6	Giấy xác nhận sinh viên	-	△	- Nộp bản gốc và bản dịch công chứng.
7	Chứng nhận học lực	○	○	- Nộp bản gốc - Điều kiện cơ bản: Theo quy định của Bộ Tư pháp, **giấy chứng nhận dự kiến tốt nghiệp không được công nhận.** - Quy định riêng theo từng quốc gia: · VIỆT NAM: Tem/dấu xác nhận của Đại sự quán Hàn Quốc tại Việt Nam hoặc Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.
8	Hộ chiếu và Chứng minh thư của bản thân.	○	○	- Nộp bản dịch công chứng.
9	Chứng minh thư của ba mẹ	○	○	- Nộp bản dịch công chứng.
10	Giấy xác nhận nghề nghiệp và chứng nhận thu nhập của ba mẹ	○	○	- Nộp bản gốc và bản dịch công chứng.
11	Giấy chứng nhận số dư tài khoản ngân hàng	○	○	- Nộp bản gốc. (SV ở Hàn Quốc nộp tài khoản ở Hàn Quốc) - Visa D2: $18,000 trở lên - **Ứng viên không phải visa D4 và sống tại Hàn Quốc thì không cần nộp.**
12	Chứng nhận quan hệ gia đình	△	△	- Trong trường hợp có 2 hộ khẩu (hoặc không cùng hộ khẩu với ba mẹ) thì phải nộp kèm giấy khai sinh. - Nếu ba mẹ ly hôn thì phải nộp kèm giấy chứng nhận ly hôn. (Bản gốc hoặc bản sao). - Nếu ba mẹ qua đời thì nộp kèm giấy chứng tử. (Bản gốc hoặc bản sao)
13	2 hình thẻ	○	○	- Hình 3x4cm **(nền trắng)**
14	Bảng điểm TOPIK	○	○	- Nộp bản gốc
15	Chứng minh thư Hàn Quốc	△	△	- Bản photo (cả 2 mặt trước, sau)

※ Ứng viên đang sinh sống và sở hữu visa tại Hàn Quốc có thể lược bỏ các mục 9, 10, 12.

IV. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Thời gian tuyển sinh

Phân loại	Nhận hồ sơ	Xét tuyển	Thông báo kết quả	Đóng tiền(dự kiến)
Kỳ đầu - đợt 1	01/11/2023 ~ 08/12/2023	18/12/2023 ~ 22/12/2023	02/01/2024	08/01/2024 ~ 12/01/2024
Kỳ đầu - đợt 2	15/01/2024 ~ 19/01/2024	29/01/2024 ~ 02/02/2024	06/02/2024	15/02/2024 ~ 16/02/2024
Kỳ sau - đợt 1	01/05/2024 ~ 28/06/2024	08/07/2024 ~ 12/07/2024	16/07/2024	22/07/2024 ~ 26/07/2024
Kỳ sau - đợt 2	29/07/2024 ~ 02/08/2024	05/08/2024 ~ 09/08/2024	13/08/2024	21/08/2024 ~ 23/08/2024

2. Đánh giá hồ sơ: Đánh giá tổng hợp thông qua các thông tin như đơn nhập học, học lực, xác nhận sinh viên/tốt nghiệp, điểm TOPIK, v.v.
3. Tải mẫu đơn nhập học: https://globalgate.kwu.ac.kr/index.do → [게시판]→ [공지사항] → [외국인공지사항]

V. HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

1. Học phí

Đơn vị: won(KRW)

Khối ngành	Khoa	Học phí năm nhất	Học phí chuyển tiếp
Xã hội nhân văn	Khoa Dịch vụ hàng không	2,716,000	2,714,000
	Khoa Giáo dục tiếng Anh toàn cầu	-	2,714,000
	Khoa Giáo dục tiếng Hàn	-	2,714,000
	Khoa Quốc tế	2,716,000	-
	Khoa Võ thuật	2,716,000	-
	Khoa Hành chính cảnh sát	2,716,000	2,714,000
	Khoa Phúc lợi xã hội	2,716,000	2,714,000
	Khoa Tư vấn tâm lý	2,716,000	2,714,000
Khoa học tự nhiên	Khoa Khoa học làm đẹp	3,584,000	3,582,000
	Khoa Sức khỏe hành chính	3,213,000	3,211,000
	Khoa Trị liệu ngôn ngữ	3,213,000	3,211,000
	Khoa Thực phẩm dinh dưỡng	3,213,000	3,211,000
	Khoa Công nghệ trí tuệ nhân tạo AI	3,213,000	-
Năng khiếu	Khoa Kiến trúc thiết kế nội thất	3,213,000	3,211,000
	Khoa Thiết kế nội thất	3,213,000	-

※ Thông tin học phí theo tiêu chuẩn năm 2023 và có thể thay đổi theo quy định.

2. Học bổng

Phân loại	Loại học bổng	Điều kiện	Tiêu chuẩn	Học bổng
Đại học	Học bổng cho sinh viên mới	Kết quả TOPIK khi nhập học	TOPIK trường hoặc TOPIK cấp 3 trở xuống	Giảm 30% học phí
			TOPIK cấp 3	Giảm 35% học phí
			TOPIK cấp 4	Giảm 50% học phí
			TOPIK cấp 5	Giảm 60% học phí
			TOPIK cấp 6	Giảm 70% học phí
	Học bổng cho sinh viên đang theo học	Điểm trung bình (điểm trung bình học kỳ trước phải trên 2.5 trở lên)	TOPIK cấp 3 trở xuống	Giảm 20% học phí
			TOPIK cấp 3	Giảm 30% học phí
			TOPIK cấp 4	Giảm 50% học phí
			TOPIK cấp 5	Giảm 60% học phí
			TOPIK cấp 6	Giảm 70% học phí

※ Học bổng có thể thay đổi tùy theo tiêu chuẩn học bổng cho du học sinh.

3. Hỗ trợ khác

a. **Hỗ trợ bảo hiểm thương tật: bảo hiểm 1 năm 110,000won**

b. **Hỗ trợ phí ký túc xá: miễn phí ký túc xá học kỳ đầu tiên (16 tuần) cho sinh viên nộp hệ năm nhất, chuyển tiếp (4 người/phòng 464,000won)**

HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH CAO HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỮ KWANGJU NĂM HỌC 2024

I. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

Phân loại	Điều kiện đăng ký
Quốc tịch	Cả bố mẹ và sinh viên đều là người nước ngoài
Học lực	[Điều kiện chung] Người được công nhận đạt được học lực bằng hoặc trở lên như sau [Thạc sỹ] Người có bằng tốt nghiệp đại học ở các trường trong và ngoài nước [Tiến sỹ] Người có bằng tốt nghiệp thạc sỹ ở các trường trong và ngoài nước
Năng lực ngoại ngữ	1. Người có TOPIK 3 quốc gia trở lên 2. Người thông qua kỳ thi TOPIK cấp 3 của trường trở lên

※ Những điều kiện khác có thể tham khảo Hướng dẫn tuyển sinh riêng của cao học.

II. ĐƠN VỊ TUYỂN SINH

Khối ngành	Phân loại	Khoa	Thời gian học	Hình thức học	Số lượng tuyển sinh
Tiến sỹ	Cao học (dạng thường)	Khoa Khoa học làm đẹp	2 năm	Buổi sáng	○○người
Thạc sỹ	Cao học (dạng thường)	Khoa Khoa học làm đẹp Khoa Giáo dục tiếng Anh trẻ em Khoa Du lịch hàng không Khoa Thực phẩm dinh dưỡng	2 năm	Buổi sáng	○○người
	Cao học (dạng đặc biệt)	Khoa Phúc lợi xã hội Khoa Luật cảnh sát Khoa Giáo dục tiếng Hàn	2 năm	**Buổi tối**	○○người

IV. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Hình thức tuyển sinh: Kỳ đầu vào tháng 10 năm trước ~ tháng 1 năm nay
   Kỳ sau vào tháng 6 ~ tháng 7
   (Tham khảo thông tin cụ thể trên trang web trường)
2. Đánh giá hồ sơ: Đánh giá tổng hợp thông qua các thông tin như đơn nhập học, học lực, xác nhận sinh viên/tốt nghiệp, điểm TOPIK, v.v.

IV. HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

1. Học phí

Đơn vị: won(KRW)

Phân loại	Khối ngành	Khoa	Sinh viên mới			Tổng
			Phí nhập học	Học phí	Phí xét hồ sơ	
Tiến sỹ	Cao học dạng thường	Khoa Khoa học làm đẹp	600,000	5,139,000	50,000	5,789,000
Thạc sỹ	Cao học dạng thường	Khoa Khoa học làm đẹp		4,040,000		4,690,000
		Khoa Giáo dục tiếng Anh trẻ em		3,390,000		4,040,000
		Khoa Du lịch hàng không		3,390,000		4,040,000
		Khoa Thực phẩm dinh dưỡng		4,040,000		4,690,000
	Cao học đặc biệt	Khoa Phúc lợi xã hội		3,129,000		3,779,000
		Khoa Luật cảnh sát		3,129,000		3,779,000
		Khoa Giáo dục tiếng Hàn		3,129,000		3,779,000

2. Học bổng

Phân loại	Ký túc xá	Mục khác
TOPIK cấp 3 trở xuống	Giảm 40% học phí	Chỉ công nhận TOPIK trường hoặc TOPIK quốc gia
TOPIK cấp 4 trở lên	Giảm 50% học phí	

V. GIỚI THIỆU KHOA

❑ Chương trình thạc sỹ, tiến sỹ - Khoa Khoa học làm đẹp

Kể từ khi hệ cao học Khoa Khoa học Thẩm mỹ vào năm 2002, Khoa Khoa học thẩm mỹ tại trường Đại học Tổng hợp đã mở các chương trình đào tạo bậc thạc sỹ và tiến sỹ, trở thành trường có hệ thống đào tạo sau đại học chuyên ngành củng cố kiến thức chuyên môn cùng với hệ thống học thuật trong lĩnh vực làm đẹp. Khoa Khoa học làm đẹp cung cấp giáo dục lý thuyết có hệ thống và giáo dục công nghệ làm đẹp thực tiễn. Bằng cách kết hợp lý thuyết và công nghệ làm đẹp hiện tại, đào tạo các chuyên gia có năng lực trong lĩnh vực giáo dục sắc đẹp và đào tạo các chuyên gia trong lĩnh vực tóc, chăm sóc da, trang điểm, làm móng và mỹ phẩm.

Hoàn thành chương trình giảng dạy bao gồm các mảng làm đẹp tóc, chăm sóc da, trang điểm và thẩm mỹ, đồng thời chúng tôi đang tiến hành nghiên cứu và dự án thông qua hợp tác giữa khoa với các tổ chức liên quan đến sắc đẹp và tiến hành nghiên cứu và giáo dục liên quan đến sắc đẹp thông qua viện nghiên cứu sắc đẹp lâm sàng, viện nghiên cứu da. Điều này thiết lập một hệ thống giáo dục nhằm trau dồi chuyên môn và khả năng khám phá cái đẹp, tạo ra sự sáng tạo nghệ thuật và đào tạo các chuyên gia và nhà lãnh đạo sắc đẹp có thể tiến hành nghiên cứu và thực hành sáng tạo nghệ thuật trong lĩnh vực làm đẹp.

❑ Chương trình thạc sỹ - Khoa Giáo dục tiếng Anh trẻ em

Khoa Giáo dục tiếng Anh trẻ em là một chương trình giáo dục có tính hệ thống và khoa học, tận dụng đặc điểm dễ học tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế ngay từ nhỏ và cung cấp các phương pháp tiếp cận tại chỗ về giáo dục tiếng Anh cho trẻ em, các quy trình giảng dạy, kỹ thuật giảng dạy, các hoạt động đa dạng và phương pháp giảng dạy thực tế. Mục đích nhằm đào tạo những giáo viên dạy tiếng Anh trẻ em có năng lực, có thể áp dụng tiếng Anh cho trẻ em.

❑ Chương trình thạc sỹ - Khoa Du lịch hàng không

Khoa Du lịch hàng không đóng vai trò then chốt trong thị trường vận tải hàng không toàn cầu và ngành hàng không Hàn Quốc, vốn đã phát triển thành cường quốc hàng không lớn thứ tám thế giới, đang có một bước tiến mạnh mẽ khác khi đối mặt với dịch bệnh Covid19 gần đây. Bộ phận này, nơi đào tạo ra số lượng nhân viên hàng không lớn nhất cả nước, đang mở các khóa học sau đại học về học thuật, nghiên cứu và giáo dục để bồi dưỡng thêm các tài năng du lịch và hàng không chuyên nghiệp. Cục Phát triển Hàng không và Du lịch đào tạo nhân tài chuyên nghiệp, những người không chỉ cung cấp kiến thức học thuật chuyên sâu mà còn ứng phó với những thay đổi và thách thức trong ngành hàng không, đồng thời dẫn đầu xã hội tương lai bằng cách phát triển năng lực nghiên cứu liên ngành. Sau khi tốt nghiệp, họ đang làm việc với tư cách là nhà nghiên cứu chuyên nghiệp, giáo sư đại học và chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực hàng không và du lịch.

❑ Chương trình thạc sỹ - Khoa Thực phẩm dinh dưỡng

Khoa Thực phẩm và Dinh dưỡng bao gồm các giáo sư trong lĩnh vực Thực phẩm vui vẻ & sáng tạo, dinh dưỡng, nấu ăn và ăn uống, đồng thời có cơ sở hạ tầng dành cho thử nghiệm và thực hành nhằm thúc đẩy nghiên cứu thực tiễn và sáng tạo tối ưu nhân tài (tổng số nhà quản lý) trong ngành thực phẩm. Sau khi lấy bằng Thạc sỹ, nghiên cứu và phát triển các đặc tính chất lượng của thực phẩm, hoạt động sinh lý, đặc điểm nấu nướng, hành vi mua hàng và sự hồi sinh của ngành nhà hàng, v.v. nguồn lực đặc biệt nuôi dưỡng tài năng trong cộng đồng.

❑ Chương trình thạc sỹ - Khoa Phúc lợi xã hội

Khoa Phúc lợi Xã hội nuôi dưỡng các nhà chuyên môn sẵn sàng viện trợ cho các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng địa phương gặp vấn đề trở ngại, nhằm cải thiện hạnh phúc (happiness) và chất lượng cuộc sống (quality of life) của tất cả mọi người. Ngoài ra, Khoa đào tạo nguồn nhân lực phúc lợi xã hội chuyên nghiệp thông qua việc huấn luyện về lý thuyết cũng như thực tế lâm sàng; kết hợp song song với các kỹ năng thực tiễn về phúc lợi xã hội cần thiết để thực hiện các hoạt động hỗ trợ chuyên nghiệp, lý thuyết về chính sách và chế độ phúc lợi xã hội, phương pháp điều tra, đào tạo thực hành hiện trường tại địa phương và từ đó giúp hoàn thiện vai trò và trách nhiệm của một nhà chuyên gia phúc lợi xã hội chuyên nghiệp.

❑ Chương trình thạc sỹ - Khoa Luật cảnh sát

Khoa Luật Cảnh sát được thành lập với mục tiêu trau dồi kiến thức chuyên môn và nâng cao các kỹ năng thực hành liên quan cho các sĩ quan cảnh sát trong khu vực và nhân viên an ninh. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi cung cấp hệ thống giáo dục chuyên nghiệp để giải quyết các vấn đề tội phạm, xã hội và an ninh, tập trung vào giáo dục về lý thuyết pháp lý liên quan và kiến thức thực tế. Để dẫn đường cho lực lượng cảnh sát tiên tiến trong thế kỷ 21, các sĩ quan cảnh sát trong khu vực được trang bị khả năng tăng cường thực thi thông qua hiểu biết về luật, chính sách và hệ thống liên quan đến cảnh sát, phòng ngừa và ứng phó chủ động với tội phạm cũng như thực hiện đầy đủ các trách nhiệm pháp lý. Cung cấp đào tạo cho nhân viên an ninh để phát triển các năng lực như xây dựng hệ thống an ninh toàn diện, đánh giá và ứng phó với rủi ro, quản lý cơ sở hạ tầng an ninh và phát triển các chính sách an ninh doanh nghiệp. Thông qua việc thực hiện các mục tiêu thành lập của bộ, Khoa Luật Cảnh sát trường Đại học nữ Kwangju đào tạo một nhà lãnh đạo sáng tạo và định hướng tương lai, chịu trách nhiệm về tính mạng và tài sản của người dân cũng như hạnh phúc và trật tự của xã hội và công cộng trong các lĩnh vực an ninh công cộng và tư nhân.

❑ Chương trình thạc sỹ - Khoa Giáo dục tiếng Hàn

Khoa Giáo dục tiếng Hàn nhằm mục đích đào tạo các chuyên gia giáo dục ngôn ngữ Hàn Quốc, những người có thể đóng góp vào quá trình toàn cầu hóa ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc bằng cách nghiên cứu chuyên sâu kiến thức chuyên ngành về giáo dục ngôn ngữ Hàn Quốc như một ngoại ngữ đồng thời có hiểu biết sâu sắc về văn hóa Hàn Quốc. Trau dồi năng lực giảng dạy và nghiên cứu chuyên nghiệp với tư cách là giáo viên dạy tiếng Hàn bằng cách cung cấp chương trình giáo dục thực tế phù hợp với nhu cầu của người học và các cơ sở giáo dục khác nhau trong và ngoài nước. Hơn nữa, trong thời đại quốc tế hóa và đa văn hóa, chúng tôi bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyên nghiệp có kỹ năng giao tiếp đa văn hóa. Bằng cách thực hiện chương trình giảng dạy phù hợp với trình độ giáo viên dạy tiếng Hàn được quy định theo Bộ luật cơ bản tiếng Hàn Quốc, sinh viên có thể nhận được chứng chỉ giáo viên dạy tiếng Hàn cấp 2 sau khi tốt nghiệp.

LƯU Ý

1. Lưu ý dành cho người đăng ký nhập học

a. Trong trường hợp phát hiện có ngụy tạo, thay đổi nội dung hồ sơ xin học để được đỗ (nhập học) bằng phương pháp bất chính thì sẽ bị hủy kết quả việc nhập học.

b. Những nội dung không được đề cập đến trong quyển hướng dẫn tuyển sinh này thì sẽ được tuân theo nội quy và quy định của trường.

c. Trong trường hợp không chuẩn bị đủ hồ sơ hoặc không đủ tư cách để nhập học thì sẽ được xử lý là không đỗ.

d. Không trả lại hồ sơ đã nộp.

- Mọi hồ sơ theo quy định phải nộp bản gốc, đối với những hồ sơ dịch và công chứng, có thể sẽ được yêu cầu nộp bản gốc đối chứng. (Sau khi kiểm tra, đối chứng sẽ được trả lại bản gốc).

2. Lưu ý khi nộp hồ sơ đăng ký và bản giới thiệu bản thân

a. Tất cả hồ sơ bắt buộc phải nộp bản gốc. Nếu hồ sơ không phải là tiếng Anh hoặc tiếng Hàn thì bắt buộc phải nộp kèm bản dịch công chứng tiếng Anh hoặc tiếng Hàn.

b. Mọi nội dung ghi chép đều phải chính xác. Khi phát sinh vấn đề vì nhập thông tin sai, thiếu thông tin, thì người đăng ký nhập học phải chịu trách nhiệm.

c. Các hồ sơ đăng ký nhập học sẽ không được hoàn lại, đồng thời trường có thể yêu cầu bổ sung các hồ sơ cần thiết.

d. Không được sửa đổi hoặc hủy đơn xin nhập học đã nộp.

3. Đồng ý thu thập và sử dụng thông tin cá nhân

a. Trường có thể sẽ thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người đăng ký.

b. Thông tin người đăng ký: tên, địa chỉ, số điện thoại, email, thông tin người đăng ký, năm tốt nghiệp (dự kiến), số tài khoản, v.v.

c. Thông tin người bảo hộ: tên, mối quan hệ, địa chỉ, số điện thoại, v.v.

d. Thông tin trường học: tên trường học

e. Thông tin cá nhân được thu thập sẽ không được sử dụng cho các mục đích nào khác ngoài các mục đích liên quan đến nhập học, học bổng, thống kê. Các thông tin cá nhân không cần thiết khi hết thời gian lưu trữ hoặc đã hoàn thành mục đích thu thập sẽ được xử lý xóa bỏ.

f. Tham khảo đơn “đồng ý cho thu thập thông tin cá nhân” để biết chi tiết về các thông tin cá nhân sẽ được trường thu thập.

BẢN ĐỒ



1.1호관: 무등관 (Tòa nhà Mu-deng gwan)
2.2호관: 황룡관 (Tòa nhà Hwang-ryong gwan)
3.3호관: 어등관 (Tòa nhà Eo-deung gwan)
4.4호관: 정보통신관 (Tòa nhà Thông tin)

5.대학본부: Tòa hành chính
6.도서관: Thư viện
7.운동장: Sân vận động ngoài trời
8.기숙사: Ký túc xá
9.체육관: Sân vận động trong nhà

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

주소	(우편번호)62396, 광주광역시 광산구 광주여대길 22 광주여자대학교 국제교육원	Email	kwuiec@kwu.ac.kr
Address	(Zip code)62396, International Education Center, 22 Gwangju yeodae-gil, Gwangsan-gu, Gwangju,KOREA	Tel	+82-62-950-3931 +82-62-950-3576